

**THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016 - 2017 KHÓA 16CĐN (12+3)**  
(Áp dụng từ ngày 03/10/2016)

| LỚP  |         | 16 CDN-KTD (12+3)                                                                 |                          |                                 |              |
|------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|--------------|
| THỨ  | TIẾT LT | GVCN: Cô Phan Thị Huyền Trang                                                     |                          |                                 |              |
| TUẦN |         |                                                                                   |                          |                                 |              |
| HAI  | 7       | Chính trị (90 tiết)                                                               | Thầy Nguyễn Anh Kiệt     | Phòng C3.3-03                   |              |
|      | 8       | Chính trị (90 tiết)                                                               |                          |                                 |              |
|      | 9       | Chính trị (90 tiết)                                                               |                          |                                 |              |
|      | 10      | Kinh tế vi mô                                                                     | Cô Phạm Quỳnh Như        |                                 |              |
|      | 11      | Kinh tế vi mô                                                                     |                          |                                 |              |
|      | 12      | Kinh tế vi mô                                                                     |                          |                                 |              |
| BA   | 7       | Kinh tế vi mô                                                                     | Thầy Nguyễn Trọng Nghĩa  | Phòng C3.3-03                   |              |
|      | 8       | Kinh tế vi mô                                                                     |                          |                                 |              |
|      | 9       | Kinh tế vi mô                                                                     |                          |                                 |              |
|      | 10      | Pháp luật                                                                         | Thầy Đào Anh Tuấn        |                                 |              |
|      | 11      | Pháp luật                                                                         |                          |                                 |              |
| TƯ   | 7       | Chính trị (90 tiết)                                                               | Thầy Nguyễn Anh Kiệt     | Phòng C3.3-03                   |              |
|      | 8       | Chính trị (90 tiết)                                                               |                          |                                 |              |
|      | 9       | Chính trị (90 tiết)                                                               |                          |                                 |              |
|      | 10      | Lý thuyết tài chính tiền tệ                                                       | Cô Phan Thị Huyền Trang  |                                 |              |
|      | 11      | Lý thuyết tài chính tiền tệ                                                       |                          |                                 |              |
|      | 12      | Lý thuyết tài chính tiền tệ                                                       |                          |                                 |              |
| NĂM  | 7       | Anh văn 1                                                                         | Cô Đinh Trần Phương Thảo | Phòng C3.3-03                   |              |
|      | 8       | Anh văn 1                                                                         |                          |                                 |              |
|      | 9       | Anh văn 1                                                                         |                          |                                 |              |
|      | 10      | Anh văn 1                                                                         |                          |                                 |              |
|      | 11      | Giáo dục Thể chất 1                                                               | Thầy Nguyễn Phú Tân      |                                 | Sân thể thao |
|      | 12      | Giáo dục Thể chất 1                                                               |                          |                                 |              |
| SÁU  | 7       | Tin học (75 tiết)                                                                 | Thầy Trần Vĩnh Xuyên     | Phòng H1.1-14<br>(Phòng máy 2A) |              |
|      | 8       | Tin học (75 tiết)                                                                 |                          |                                 |              |
|      | 9       | Tin học (75 tiết)                                                                 |                          |                                 |              |
|      | 10      | Tin học (75 tiết)                                                                 |                          |                                 |              |
|      | 11      | Tin học (75 tiết)                                                                 |                          |                                 |              |
| BẢY  | 1       |                                                                                   |                          |                                 |              |
| GVCN |         | Tổ chức sinh hoạt định kỳ với lớp ≥ 1 lần/tháng và các lần đột xuất khi cần thiết |                          |                                 |              |

\* Khối lượng giảng dạy trong các ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ của trường (nếu có), được thực hiện dạy tính tiền đến tuần dự trù của khóa (tuần 17). Nếu có những học phần kết thúc trước thời gian trên, Trường khoa chủ động tổ chức thực hiện giảng dạy vào tuần lễ liền sau.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2016



Đinh Văn Đệ

**THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016 - 2017 KHÓA 16CDN (12+3)**

(Áp dụng từ ngày 10/10/2016)

| LỚP  |         | 16 CDN-QTD (12+3)                                                                 |                          |                                 |
|------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|
| THỨ  | TIẾT LT | GVCN: Cô Lê Xuân Thủy (SHCN hàng tháng)                                           |                          |                                 |
| TUẦN |         |                                                                                   |                          |                                 |
| HAI  | 7       | Chính trị (90 tiết)                                                               | Thầy Nguyễn Anh Kiệt     | Phòng C3.3-03                   |
|      | 8       | Chính trị (90 tiết)                                                               |                          |                                 |
|      | 9       | Chính trị (90 tiết)                                                               |                          |                                 |
|      | 10      | Kinh tế thương mại và dịch vụ                                                     | Thầy Trịnh Hoàng Hiệp    |                                 |
|      | 11      | Kinh tế thương mại và dịch vụ                                                     |                          |                                 |
|      | 12      | Kinh tế thương mại và dịch vụ                                                     |                          |                                 |
| BA   | 7       | Quản trị học                                                                      | Thầy Nguyễn Trọng Nghĩa  | Phòng C3.3-03                   |
|      | 8       | Quản trị học                                                                      |                          |                                 |
|      | 9       | Quản trị học                                                                      |                          |                                 |
|      | 10      | Toán cao cấp                                                                      | Cô Nguyễn Thị Thủy       |                                 |
|      | 11      | Toán cao cấp                                                                      |                          |                                 |
|      | 12      | Toán cao cấp                                                                      |                          |                                 |
| TƯ   | 7       | Chính trị (90 tiết)                                                               | Thầy Nguyễn Anh Kiệt     | Phòng C3.3-03                   |
|      | 8       | Chính trị (90 tiết)                                                               |                          |                                 |
|      | 9       | Chính trị (90 tiết)                                                               |                          |                                 |
|      | 10      | Tâm lý kinh doanh                                                                 | Cô Lê Xuân Thủy          |                                 |
|      | 11      | Tâm lý kinh doanh                                                                 |                          |                                 |
|      | 12      | Tâm lý kinh doanh                                                                 |                          |                                 |
| NĂM  | 7       | Anh văn 1                                                                         | Cô Đinh Trần Phương Thảo | Phòng C3.3-03                   |
|      | 8       | Anh văn 1                                                                         |                          |                                 |
|      | 9       | Anh văn 1                                                                         |                          |                                 |
|      | 10      | Anh văn 1                                                                         |                          |                                 |
|      | 11      | Giáo dục Thể chất 1                                                               | Thầy Nguyễn Phú Tân      | Sân thể thao                    |
|      | 12      | Giáo dục Thể chất 1                                                               |                          |                                 |
| SÁU  | 7       | Tin học (75 tiết)                                                                 | Thầy Trần Vĩnh Xuyên     | Phòng H1.1-14<br>(Phòng máy 2A) |
|      | 8       | Tin học (75 tiết)                                                                 |                          |                                 |
|      | 9       | Tin học (75 tiết)                                                                 |                          |                                 |
|      | 10      | Tin học (75 tiết)                                                                 |                          |                                 |
|      | 11      | Tin học (75 tiết)                                                                 |                          |                                 |
|      | 12      | Sinh hoạt chủ nhiệm (cuối tháng)                                                  | Cô Lê Xuân Thủy          | Phòng C3.3-03                   |
| BẢY  | 1       |                                                                                   |                          |                                 |
| GVCN |         | Tổ chức sinh hoạt định kỳ với lớp ≥ 1 lần/tháng và các lần đột xuất khi cần thiết |                          |                                 |

\* Khối lượng giảng dạy trong các ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ của trường (nếu có), được thực hiện dạy tính tiền đến tuần dự trữ của khóa (tuần 17). Nếu có những học phần kết thúc trước thời gian trên, Trường khoa chủ động tổ chức thực hiện giảng dạy vào tuần lễ liền sau.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2016

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ



**THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016 - 2017 KHÓA 16CDN**  
(Áp dụng từ ngày 10/10/2016)

| LỚP                                                                               |         | 16 CDN-Ô1 (12+3)                                                    |                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| THỨ                                                                               | TIẾT LT | GVCN: Hoàng Phúc Bảo                                                |                                                    |
|                                                                                   |         | Học từ Tuần 6->23: 15 tuần, Tuần 24: dự trữ, Nghỉ Tết tuần 20,21,22 |                                                    |
| HAI                                                                               | 1       | Tin học                                                             | Thầy Đặng Ngọc Đoàn<br>Phòng H1.3-05 (Phòng máy 9) |
|                                                                                   | 2       | Tin học                                                             |                                                    |
|                                                                                   | 3       | Tin học                                                             |                                                    |
|                                                                                   | 4       | Tin học                                                             |                                                    |
|                                                                                   | 5       | Tin học                                                             |                                                    |
|                                                                                   | 6       | Tin học                                                             |                                                    |
|                                                                                   | 7       | Cơ ứng dụng(45T)                                                    | Cô Dương Hồng<br>Phòng E2.2-02                     |
|                                                                                   | 8       | Cơ ứng dụng                                                         |                                                    |
|                                                                                   | 9       | Cơ ứng dụng                                                         |                                                    |
|                                                                                   | 10      |                                                                     |                                                    |
|                                                                                   | 11      |                                                                     |                                                    |
|                                                                                   | 12      |                                                                     |                                                    |
| BA                                                                                | 7       | Điện kỹ thuật                                                       | Thầy Phúc Bảo                                      |
|                                                                                   | 8       | Điện kỹ thuật                                                       | Phòng E2.2-02                                      |
|                                                                                   | 9       | An toàn lao động                                                    | Thầy Phúc Bảo                                      |
|                                                                                   | 10      | An toàn lao động                                                    | Phòng E2.2-02                                      |
|                                                                                   | 11      |                                                                     |                                                    |
|                                                                                   | 12      |                                                                     |                                                    |
| TU                                                                                | 1       | Chính trị(90T)                                                      | Thầy Nguyễn Ngọc Quỳnh                             |
|                                                                                   | 2       | Chính trị                                                           | Phòng E2.2-02                                      |
|                                                                                   | 3       | Chính trị                                                           | Học 15 tuần                                        |
|                                                                                   | 4       | Chính trị                                                           |                                                    |
|                                                                                   | 5       | Chính trị                                                           |                                                    |
|                                                                                   | 6       | Chính trị                                                           |                                                    |
| NĂM                                                                               | 7       | Vật liệu học(30T)                                                   | Thầy Ngọc Quỳnh                                    |
|                                                                                   | 8       | Vật liệu học                                                        | Phòng E2.2-03, Học 15 tuần                         |
|                                                                                   | 9       | Giáo dục Thể chất I                                                 | Thầy Nguyễn Phú Tân                                |
|                                                                                   | 10      | Giáo dục Thể chất I                                                 | Sân bóng                                           |
|                                                                                   | 11      |                                                                     |                                                    |
|                                                                                   | 12      |                                                                     |                                                    |
| SÁU                                                                               | 1       | THỰC HÀNH NGƯỜI CƠ BẢN(60T)                                         |                                                    |
|                                                                                   | 2       | 6 tiết                                                              |                                                    |
|                                                                                   | 3       | Từ 17h00 đến 21h30 (Không giải lao)                                 |                                                    |
|                                                                                   | 4       | Tuần 6-15                                                           |                                                    |
|                                                                                   | 5       | Thầy Thế Vinh                                                       |                                                    |
|                                                                                   | 6       | Xưởng Nguội                                                         |                                                    |
| BẢY                                                                               | 1       | THỰC HÀNH HÀN CƠ BẢN (30T)                                          |                                                    |
|                                                                                   | 2       | 6 tiết                                                              |                                                    |
|                                                                                   | 3       | Từ 7h00 đến 11h30 (Không giải lao)                                  | 7 tiết                                             |
|                                                                                   | 4       | Tuần 16-19, 23                                                      | Từ 12h00 đến 16h30 (Không giải lao)                |
|                                                                                   | 5       | NHÓM 1                                                              | Tuần 16-19, 23                                     |
|                                                                                   | 6       |                                                                     | NHÓM 2                                             |
| CVHT                                                                              |         | Thầy Ngọc Quỳnh<br>Xưởng Hàn                                        |                                                    |
| Tổ chức sinh hoạt định kỳ với lớp ≥ 1 lần/tháng và các lần đột xuất khi cần thiết |         |                                                                     |                                                    |

\* Khối lượng giảng dạy trong các ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ của trường (nếu có), được thực hiện dạy tình tiến đến tuần dự trữ của khóa (tuần 44). Nếu có những học phần kết thúc trước thời gian trên, Trường khoa chủ động tổ chức thực hiện giảng dạy vào tuần lễ liền sau.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2016



**Đinh Văn Độ**

**THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016 - 2017 KHÓA 16CĐN**  
(Áp dụng từ ngày 10/10/2016)

| LỚP  |         | 16 CĐN-Ô2 (12+3)                                                                                             |                              |
|------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| THỨ  | TIẾT LT | <b>GVCN: Kiều Trung Tín</b><br><b>Học từ Tuần 6-&gt;23: 15 tuần, Tuần 24: dự trữ, Nghỉ Tết tuần 20,21,22</b> |                              |
| HAI  | 7       | Điện kỹ thuật                                                                                                | Thầy Trung Tín               |
|      | 8       | Điện kỹ thuật                                                                                                | Phòng E2.2-01                |
|      | 9       | An toàn lao động                                                                                             | Thầy Trung Tín               |
|      | 10      | An toàn lao động                                                                                             | Phòng E2.2-01                |
|      | 11      |                                                                                                              |                              |
| BA   | 1       | Giáo dục Thể chất I                                                                                          | Thầy Nguyễn Phú Tân          |
|      | 2       | Giáo dục Thể chất I                                                                                          | Sân bóng                     |
|      | 7       | Tin học                                                                                                      | Thầy Bùi Văn Dũng            |
|      | 8       | Tin học                                                                                                      | Phòng H1.3-03 (Phòng máy 7)  |
|      | 9       | Tin học                                                                                                      |                              |
| TU   | 1       | Chính trị                                                                                                    | Thầy Nguyễn Anh Kiệt         |
|      | 2       | Chính trị                                                                                                    | Phòng E2.1 - 03              |
|      | 3       | Chính trị                                                                                                    |                              |
|      | 4       | Chính trị                                                                                                    |                              |
|      | 5       | Chính trị                                                                                                    |                              |
| NĂM  | 6       | Chính trị                                                                                                    |                              |
|      | 7       | <b>THỰC HÀNH NGUỘI CƠ BẢN(60T)</b>                                                                           |                              |
|      | 8       | 6 tiết                                                                                                       |                              |
|      | 9       | Từ 17h00 đến 21h30 (Không giải lao)                                                                          |                              |
|      | 10      | Tuần 6-15                                                                                                    |                              |
| SÁU  | 11      | Thầy Duy Hải                                                                                                 |                              |
|      | 12      | Xưởng Ngươi                                                                                                  |                              |
|      | 7       |                                                                                                              |                              |
|      | 8       | Vật liệu học(30T)                                                                                            | Thầy Ngọc Quỳnh              |
|      | 9       | Vật liệu học                                                                                                 | Phòng E2.1 - 04, Học 15 tuần |
| BẢY  | 10      | Cơ ứng dụng(45T)                                                                                             | Thầy Thông                   |
|      | 11      | Cơ ứng dụng                                                                                                  | Phòng E2.1 - 04, Học 15 tuần |
|      | 12      | Cơ ứng dụng                                                                                                  |                              |
|      | 1       | <b>THỰC HÀNH HÀN CƠ BẢN (30T)</b>                                                                            |                              |
|      | 2       | 6 tiết                                                                                                       |                              |
|      | 3       | Từ 17h00 đến 21h30 (Không giải lao)                                                                          |                              |
|      | 4       | Tuần 11-15 <b>NHÓM 1</b>                                                                                     |                              |
|      | 5       | Thầy Pháp                                                                                                    |                              |
|      | 6       | Xưởng Hàn                                                                                                    |                              |
| CVHT |         | Tổ chức sinh hoạt định kỳ với lớp $\geq 1$ lần/tháng và các lần đột xuất khi cần thiết                       |                              |

\* Khối lượng giảng dạy trong các ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ của trường (nếu có), được thực hiện dạy tịnh tiến đến tuần dự trữ của khóa (tuần 44). Nếu có những học phần kết thúc trước thời gian trên, Trường khoa chủ động tổ chức thực hiện giảng dạy vào tuần lễ liền sau.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2016

**KT-HIỆU TRƯỞNG**



**Đinh Văn Đệ**